

NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRUNG QUỐC TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP WTO VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Phạm Quang Diệu

Sau hơn 15 năm đàm phán, ngày 11/12/2001 Trung Quốc đã chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại quốc tế (WTO), mở đường cho quốc gia hơn 1,2 tỷ dân hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Đối với Trung Quốc, sự kiện gia nhập WTO có tầm quan trọng như công cuộc cải cách và mở cửa năm 1978 do Đặng Tiểu Bình khởi xướng, sẽ tác động trực tiếp và sâu rộng đến toàn bộ đời sống kinh tế-chính trị-xã hội của nước này. Gia nhập WTO, bên cạnh những lợi ích về kinh tế và chính trị, Trung Quốc cũng sẽ phải đối mặt với những thách thức to lớn, đặc biệt là khu vực nông nghiệp, nông thôn. Việc thực hiện các cam kết của WTO theo hướng tự do hoá và thị trường sẽ dẫn đến nhiều ngành sản xuất yếu kém của Trung Quốc lâm vào tình trạng khó khăn, bị đào thải, đẩy một lực lượng lớn lao động gia nhập đội quân thất nghiệp, làm trầm trọng thêm các vấn đề kinh tế-xã hội như thất nghiệp tăng, thu nhập một bộ phận dân nông thôn giảm, khoét thêm hố sâu ngăn cách nông thôn-thành thị.

Trung Quốc gia nhập WTO đang buộc hầu hết các nền kinh tế ở châu Á phải điều chỉnh chiến lược và chính sách của mình, đặc biệt là chính sách thương mại. Đối với Việt Nam, sự kiện trên đặt ra ít nhất hai câu hỏi. Thứ nhất, Việt Nam có nhiều điểm tương đồng Trung Quốc về thể chế kinh tế, đang trong quá trình chuyển đổi, và gia nhập WTO, nên Việt Nam có thể rút ra được những kinh nghiệm gì từ tiến trình hội nhập của Trung Quốc vào WTO. Thứ hai, sự kiện Trung Quốc gia nhập WTO sẽ ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam ra sao? Việc trả lời hai câu hỏi trên sẽ giúp ta có được những bài học bổ ích và quyết sách phù hợp.

1. Hiện trạng nông nghiệp, nông thôn Trung Quốc

Kể từ cuối thập kỷ 70, công cuộc cải cách kinh tế và mở cửa do Đặng Tiểu Bình khởi xướng đã đem lại mức tăng trưởng kinh tế kỷ lục cho nền kinh tế Trung Quốc. Giai đoạn 1978-97, tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc đạt 9,8%/năm, trong khi tốc độ tăng trưởng GDP thế giới chỉ có 3,7%/năm¹. Năm 2000, GDP Trung Quốc đạt trên 1000 tỷ USD, đưa nền kinh tế nước này vươn lên đứng hàng thứ 7 trên thế giới. Trong hai thập kỷ từ 70 đến 90, tổng kim ngạch ngoại thương tăng 286 lần, đạt 474,3 tỷ USD, đưa Trung Quốc từ vị trí thứ 32 lên thứ 11 trên thế giới. Trong số các nước đang phát triển Trung Quốc là nước tiếp nhận đầu tư nước ngoài lớn nhất. Đến cuối thập kỷ 90, Trung Quốc chiếm 39,5% tổng nguồn vốn đầu tư đổ vào các nước đang phát triển. Năm 1997, khủng hoảng tài chính tiền tệ Đông Nam Á đã làm cho nhiều nền kinh tế Đông Á rơi vào khủng hoảng trầm trọng, song Trung Quốc vẫn là quốc gia có mức tăng trưởng cao trên thế giới, đạt trên 7%/năm.

Trong khu vực nông nghiệp và nông thôn, một số chính sách cải cách như giải thể công xã nhân dân, xác lập vai trò của nông hộ, tự do hoá một số thị trường nông sản đã tạo động lực cho nông dân tăng đầu tư, nâng cao sản lượng. Các chính sách cải cách thành công đã đem lại những thành tựu to lớn trong sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc. Giai đoạn 1983-2000, GDP nông nghiệp của Trung Quốc tăng hơn 7,1 lần, đạt 178 tỷ USD. Trong giai đoạn 1978-1997, sản xuất lương thực tăng bình quân 2,6%/năm cao hơn mức tăng dân số 1,5%/năm khiến bình quân lương thực đầu người tăng từ mức 306kg/người năm 1957 lên 402kg/người năm 1997; sản lượng bông tăng 4%/năm; dầu ăn tăng 7,8%/năm; thịt tăng 8,6%/năm thủy sản tăng 11,4%/năm. Hiện nay, Trung Quốc đứng đầu thế giới về sản lượng một số nông sản chủ yếu: lương thực, thịt, bông, lạc, hạt có dầu, hoa quả□ đứng thứ 3 thế giới về sản lượng rau, đậu, mía□ Nhờ sản xuất phát triển, mức tiêu dùng bình quân thịt trứng sữa của người trung Quốc đã đạt hoặc vượt chỉ tiêu trung bình thế giới.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu nông nghiệp, nông thôn của Trung Quốc

	1970-78	1979-84	1985-95	1996-2000
Tăng trưởng nông nghiệp (%/năm)	2,7	7,1	4	0,7
Cơ cấu nông nghiệp trong GDP (%)	40	30	27	16
Dân số nông thôn (%)	83	81	72	70
Lao động trong nông nghiệp (%)	81	69	60	47

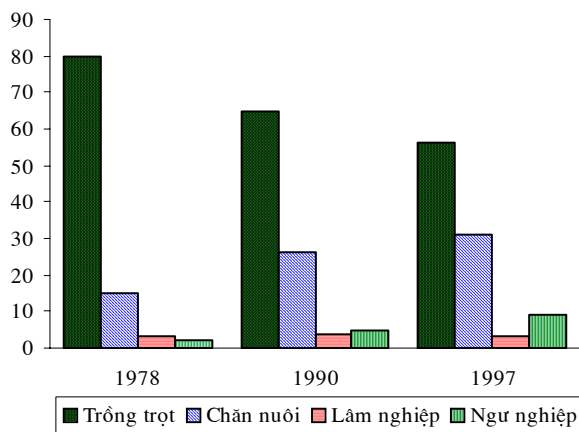
Nguồn: Huang J. 1999, ADB. 2001. USDA. 2001.

¹ Nhiều tài liệu cho rằng số liệu tăng trưởng GDP của Trung Quốc không chính xác. Do muốn thành tích và đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra nên nhiều tỉnh báo cáo lên Trung ương số liệu cao hơn thực tế. Năm 1998, Chính phủ Trung Quốc đã phải rà soát, loại bỏ nhiều số liệu báo cáo của địa phương và công bố lại số liệu tăng trưởng. Nhiều chuyên gia cho rằng số liệu tăng trưởng GDP do Trung Quốc công bố thường cao hơn thực tế 2-3%. Xem thêm USDA. 2001.

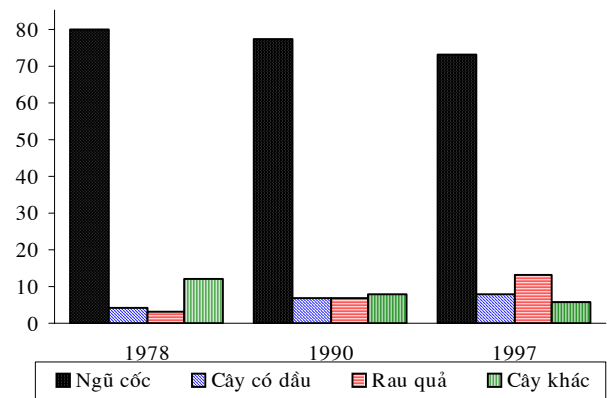
Trong hơn hai thập kỷ qua, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế Trung Quốc đã diễn ra mạnh mẽ. Tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ trong GDP tăng lên, trong khi tỷ trọng nông nghiệp giảm xuống. Thập kỷ 70, nông nghiệp chiếm 40% GDP, 50% kim ngạch xuất khẩu và thu hút 80% lao động, đến cuối thập kỷ 90 các tỷ lệ này giảm xuống còn 19%, 13% và 47%. Mặc dù tỷ trọng đóng góp trong nền kinh tế giảm xuống, khu vực nông nghiệp và nông thôn vẫn đóng vai trò rất quan trọng đối với sự ổn định kinh tế-chính trị-xã hội của Trung Quốc. Hiện nay nông nghiệp nông thôn Trung Quốc chiếm tới 70% dân số và tạo công ăn việc làm cho 47% lao động.

Trong bản thân ngành nông nghiệp, quá trình chuyển đổi cơ cấu từ trồng trọt sang chăn nuôi cũng diễn ra mạnh. Năm 1978, tỷ trọng của trồng trọt và chăn nuôi tương ứng trong GDP nông nghiệp là 80% và 15%, đến năm 1997 tỷ lệ trên là 56% và 30%. Trong trồng trọt cũng đã diễn ra xu hướng đa dạng hoá. Mặc dù ngũ cốc vẫn chiếm vị trí chủ chốt, nhưng đã có xu hướng giảm trong khi diện tích các loại cây thương phẩm tăng lên. Giai đoạn 1978-1997, trong tổng diện tích cây trồng tỷ trọng của ngũ cốc giảm từ 80% còn 73%, tỷ trọng các cây có dầu và rau quả tăng từ 7% lên 21%.

Biểu 1: Chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp Trung Quốc (%)



Biểu 2: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng của Trung Quốc (%)



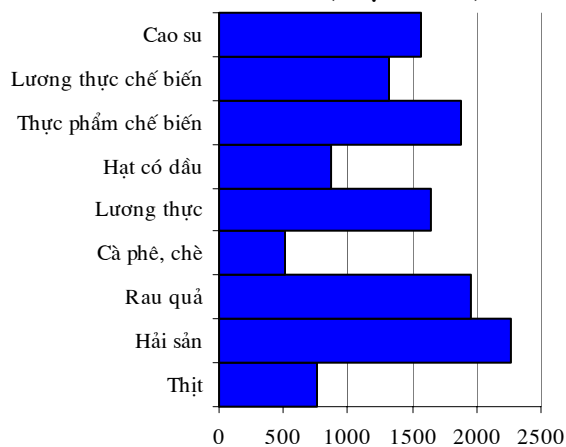
Nguồn: Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp&PTNT. 2001.

Về thương mại nông sản của Trung Quốc, năm 1992 kim ngạch xuất khẩu đạt 15,2 tỷ USD, nhập khẩu 12,5 tỷ USD, đến năm 2000 đạt tương ứng 23,1 tỷ USD và 20,8 tỷ USD. Năm 2000, thương mại nông sản chiếm 7% khoảng tổng kim ngạch thương mại. Những năm gần đây, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ Đông Nam Á xuất nhập khẩu nông sản của Trung Quốc có xu hướng giảm. Giai đoạn 1996-99, kim ngạch xuất khẩu nông sản giảm 5%/năm, và nhập khẩu giảm 9%/năm. Đến năm 2000, thương mại nông sản lại có xu hướng phục hồi.

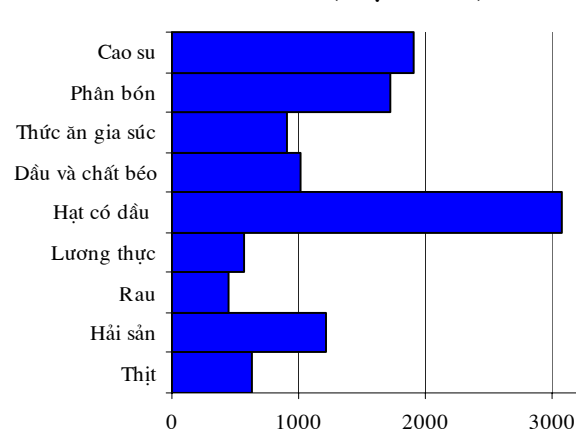
Giai đoạn 1992-2000, xuất khẩu một số mặt hàng nông sản của Trung Quốc tăng mạnh như thịt 9%/năm, hải sản 7%/năm, rau quả 5%/năm, cao su 22%/năm. Trung Quốc nhập khẩu chủ yếu các sản phẩm như hạt có dầu, phân bón, cao su, hải sản. Do mức sống tăng nên nhu cầu tiêu thụ nông sản của Trung Quốc cũng tăng lên nhanh chóng. Giai đoạn

1992-2000, kim ngạch nhập khẩu thịt tăng 35%/năm, quả 33%/năm, rau 10%/năm, cao su 17%/năm, hải sản 18%/năm.

Biểu 3: Kim ngạch xuất khẩu một số nông sản năm 2000 (triệu USD)



Biểu 4: Kim ngạch nhập khẩu một số nông sản năm 2000 (triệu USD)



Nguồn: USDA. 2001.

Tuy đạt được những thành tựu kinh tế to lớn, đặc biệt là trong những năm đầu cải cách, song về trung và dài hạn Trung Quốc sẽ phải đối mặt với những thách thức to lớn, ảnh hưởng đến khả năng phát triển vững bền của nền kinh tế: (i), hiệu quả của nền kinh tế còn thấp; (ii), các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) yếu kém, thiếu khả năng cạnh tranh, sống được phần lớn nhờ tài trợ của hệ thống ngân hàng; (iii), nền kinh tế bị chia cắt và bất cân đối giữa nông thôn-thành thị, giữa nông nghiệp-công nghiệp, giữa miền Tây-miền Đông; (iv), khu vực nông nghiệp nông thôn trì trệ, sản xuất kém sức cạnh tranh, thu nhập và sức mua thấp.

Hiện nay ở Trung Quốc tồn tại xu hướng địa phương hoá dẫn đến nền kinh tế quốc gia hoạt động không hiệu quả. Nhà kinh tế Alwyn Young trường đại học Chicago cho rằng hơn hai thập kỷ cải cách và mở cửa vừa qua của Trung Quốc đặc trưng bởi quá trình phân quyền hoá, trao quyền cho địa phương nhiều hơn. Trung Quốc đã chuyển từ một đơn vị kế hoạch hoá thống nhất thành nhiều đơn vị kế hoạch hoá. Các địa phương được trao quyền sử dụng công nghệ và vốn. Tuy nhiên do năng lực yếu kém của chính quyền địa phương nên thay vì phát triển hiệu quả hơn thì các địa phương lại có xu hướng cơ lại, cát cứ, trong đó do lợi ích cục bộ các chính quyền địa phương đã công khai hoặc ngầm ngầm dựng lên hàng rào thuế và các điều luật ngăn cản hàng hoá từ các tỉnh hay vùng khác thâm nhập thị trường địa phương mình. Mục tiêu nhằm bảo vệ sản xuất địa phương song lại dẫn đến xu hướng đầu tư và bảo hộ các ngành hàng kém hiệu quả, tình trạng chia cắt giữa các thị trường, các nguồn lực quốc gia phân bổ lãng phí, không phát huy lợi thế so sánh của địa phương². Alwyn Young đã tiến hành nghiên cứu và rút ra kết luận thú vị là các rào cản thương mại địa phương dẫn đến ở các vùng của Trung Quốc cơ cấu ngành kinh tế tương tự như nhau, trong khi giá cả và năng suất lao động lại có chiều hướng khác nhau rõ rệt. Xu

²Xem thêm FEER. July. 12.2001.

hướng này không phù hợp với nền kinh tế thúc đẩy cạnh tranh, phát huy lợi thế so sánh. Alwyn Young kết luận nền kinh tế Trung Quốc trong khi mở cửa, hội nhập với thế giới thì lại chia cắt, đóng cửa trong bản thân thị trường nội địa.

Nhà kinh tế Lý Thanh Lan³ cho rằng, hơn hai thập kỷ vừa qua năng suất không phải là yếu tố chủ chốt, mà hai yếu tố đầu tư nước ngoài và tiết kiệm nông thôn đóng góp vào tăng trưởng kinh tế Trung Quốc. Thứ nhất, đầu tư nước ngoài hàng năm khoảng 30-40 tỷ đô la, chiếm 20% tổng đầu tư của Trung Quốc. Thứ hai, các ngân hàng Nhà nước dùng tiền từ các quỹ tiết kiệm của nhân dân tài trợ các DNNN kém hiệu quả, thua lỗ. Số tiền này gọi là tiền cho vay, nhưng 40-60% không thể lấy lại được vì phần lớn các xí nghiệp đó lỗ vốn. Năm 1997, gần một nửa số tiền trong các quỹ tiết kiệm cá nhân, khoảng 240 tỷ đô la, bị mất theo cách này. Vì nhiều người để tiền trong các quỹ tiết kiệm là nông dân, hành động trên thực chất là chính quyền đã bắt nông thôn bao cấp cho thành thị.

Hiện nay Trung Quốc còn trên 100 ngàn xí nghiệp quốc doanh sở hữu 72% tài sản công nghiệp cả nước, nhưng hơn một nửa số doanh nghiệp phải bù lỗ. Một cuộc điều tra của Trung Quốc đối với các doanh nghiệp sản xuất 900 mặt hàng công nghiệp cho kết quả là trên 50% các doanh nghiệp chỉ hoạt động 60% công suất. Như vậy dư thừa công suất đồng nghĩa với việc các doanh nghiệp này làm ăn không hiệu quả và lỗ vốn. Ước tính của Trung Quốc có đến 40% DNNN làm ăn thua lỗ, theo Ngân hàng Thế giới con số là 50%. Theo số liệu của Trung Quốc, giữa thập kỷ 90 DNNN thu hút 76 triệu lao động, trong đó 15 triệu là dư thừa.

Trong khi đó phải tài trợ cho DNNN theo sự chỉ đạo của các quan chức Chính phủ nên nợ xấu của hệ thống ngân hàng tăng mạnh. Ước tính năm 1994, 4 ngân hàng lớn nhất Trung Quốc chiếm 80% tổng tín dụng có nợ xấu là 20%, đến năm 2001 tăng lên mức 50%⁴. Nếu theo tiêu chuẩn quốc tế tỷ lệ nợ xấu là 3% thì các ngân hàng Trung Quốc đều phá sản. Đầu thập kỷ 90, Trung Quốc đã có các biện pháp thắt chặt tiền tệ, giảm cho vay các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ. Tuy nhiên đã dẫn đến hiện tượng các doanh nghiệp vay nợ lẫn nhau, xuất hiện hiện tượng nợ tam giác, mang tính tràn lan và dây chuyền không những tạo nên rủi ro đối với hệ thống ngân hàng mà đối với cả sự ổn định và bền vững của nền kinh tế quốc dân.

Bà Lan cho rằng một trong những lý do chính mà lâu nay chính phủ Trung Quốc buộc các ngân hàng quốc gia cho các DNNN vay là vì sợ mất ổn định ở các thành thị, nhất

³ Lý Thanh Lan là chuyên gia kinh tế của một trường đại học ở Thượng Hải đã viết một cuốn sách nổi tiếng nhan đề "Cạm Bẫy của hiện đại hoá". Năm 1998, cuốn sách đã được xuất bản 400 ngàn cuốn. Bà Lan cho rằng đi đôi với thành công phát triển, một vấn đề nổi cộm của bộ máy thư lại khổng lồ của Trung Quốc là xu hướng "**thị trường hoá quyền lực**", trong đó nhiều quan chức và tay chân trong Chính phủ đã lạm dụng quyền lực, chức vụ để tham nhũng, cướp của công. Tình trạng này dẫn đến xu hướng bất mãn và mất niềm tin đối với phân đông nhân dân ở khu vực nông thôn. Ước tính hàng năm có hàng ngàn cuộc biểu tình ở khu vực nông thôn. Xem thêm Binyan L, Link P. 1998 và Ngô Vĩnh Long. 1999.

⁴ Theo nhiều nguồn tin (FEER. December. 20. 2001) tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng Trung Quốc lên đến 40-60%. David Lague cho rằng Chính phủ Trung Quốc tỏ ra bất lực trong việc giải quyết nợ xấu. Nguyên nhân là Chính phủ gặp mâu thuẫn trong chính sách giải quyết nợ xấu, bởi vì bản thân Chính phủ vừa là người cho vay (các ngân hàng quốc doanh) và vừa là người đi vay (các DNNN).

là Bắc Kinh, Thượng Hải, và những thành phố lớn khác. Ở các thành phố lớn, tổng số người làm việc cho các cơ quan và doanh nghiệp thuộc Nhà nước chiếm tới 85%, trong đó 45-47% là công nhân trong các xí nghiệp quốc doanh, 20% làm việc cho các cơ sở trực thuộc các xí nghiệp quốc doanh và 18% còn lại làm việc trong các văn phòng chính phủ. Các quan chức quản lý các xí nghiệp quốc doanh có xu hướng chống lại quá trình cải cách và tư nhân hoá các DNNN vì họ đã và đang dùng mọi thủ đoạn ăn cắp tài sản công. Ước tính ngoài số tiền khoảng 60 tỷ đô la mà họ lấy để đầu cơ trong nước trong những năm đầu của thập kỷ 90, số tiền những quan chức này lấy và chuyển ra nước ngoài bằng nhiều hình thức hàng năm là tương đương với dòng chảy của tiền nước ngoài vào Trung Quốc.

Hộp 1: Trung Quốc phát triển bền vững?

Sau hơn hai thập niên tăng trưởng nhờ cải cách, gần đây kinh tế Trung Quốc đã bắt đầu trì trệ. Vì sao? Mời bạn đọc theo dõi bài phỏng vấn với bà Elizabeth Bowditch, nguyên giảng viên Đại học California tại Los Angeles.

PV. Trung Quốc bắt đầu cải cách kinh tế kể từ cuối những năm 70 và cho tới gần đây, đã đạt được những thành tựu đáng kể. Bà có thể phân tích nguyên nhân chính của các thành tựu này ?

- Vào năm 1978, các nhà lãnh đạo Trung Quốc dưới quyền của ông Đặng Tiểu Bình đã quyết định cho phép làm ăn theo hướng thị trường ở một mức độ nào đó. Họ cho rằng như thế sẽ có lợi hơn cho nền kinh tế.

Tuy nhiên, cải cách như thế không hiệu quả vì cách thức làm việc của các quan chức vẫn không thay đổi, đặc biệt là ở các địa phương. Chỉ sau đó một thời gian, khi chính phủ trung ương đồng ý để cho các chính quyền địa phương giữ lại một số thu nhập do các doanh nghiệp địa phương làm ra thì nền kinh tế mới bắt đầu tăng trưởng thật sự. Các chính quyền địa phương đã tìm cách thúc đẩy doanh nghiệp làm ăn. Các nhà đầu tư nước ngoài cũng được hỗ trợ hết mình để vượt qua nền hành chính rất nặng nề của Trung Quốc.

PV. Dường như cách làm này đã để lại hậu quả không tốt cho nền kinh tế Trung Quốc ngày nay ?

- Đúng là có vấn đề. Khi để lại một phần thu nhập cho địa phương, chính quyền trung ương không rút tiền cho ngân sách địa phương nữa. Vì phải tự lực về mặt ngân sách, các địa phương đã lao vào khuyến khích phát triển những ngành nghề có thể kiếm tiền nhanh chóng. Và chính quyền cũng quan tâm đến việc thúc đẩy tăng trưởng cho địa phương mình và cạnh tranh kịch liệt với nhau để thu hút đầu tư nước ngoài.

Điều đáng nói hơn nữa là chính phủ trung ương không điều khiển được các chính quyền địa phương để lập kế hoạch phát triển chung cho cả nước nên không thể có phát triển bền vững được *PV. và giờ đây kinh tế Trung Quốc đã bắt đầu trì trệ...*

- Sau khi khủng hoảng kinh tế châu Á nổ ra, đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc bắt đầu xuống dốc. Điều này đang gây khó khăn cho nền kinh tế nước này. Trong hơn 15 năm qua, đầu tư nước ngoài đã giúp cho chính phủ Trung Quốc không phải lo nhiều đến việc tái cấu trúc nền kinh tế và các lĩnh vực khác. Cũng nhờ đầu tư nước ngoài mà xuất khẩu của Trung Quốc mới có tính cạnh tranh. Nay, khi đầu tư nước ngoài giảm, Trung Quốc cần phải có các biện pháp mới để tăng hiệu quả sản xuất.

TBKTSG: Nhưng, vừa qua Trung Quốc cũng cho biết là họ sẽ có biện pháp để thúc đẩy tăng trưởng như thừa nhận khu vực tư nhân là một bộ phận của nền kinh tế, cải cách xí nghiệp quốc doanh... Bà có cho rằng đây là những biện pháp có thể sẽ thành công ?

- Cũng không dễ. Khu vực quốc doanh phải được cải cách một cách mạnh mẽ mới có thể làm ăn hiệu quả. Nhưng làm như vậy sẽ gây ra nạn thất nghiệp nghiêm trọng.

Vậy tình hình sẽ không thay đổi gì nhiều ?

- Điều mà Chính phủ Trung Quốc cũng đang làm là chi tiêu, phân lớn vào việc xây dựng các cơ sở hạ tầng. Dù sao cũng phải chờ xem hiệu quả của cách làm này. Chính phủ tiêu tiền nhưng người dân thất chặt hầu bao vì không cảm thấy an tâm về tương lai. Trung Quốc còn mở cửa cho đầu tư nước ngoài vào những lĩnh vực mới như viễn thông trước nay do nhà nước độc quyền.

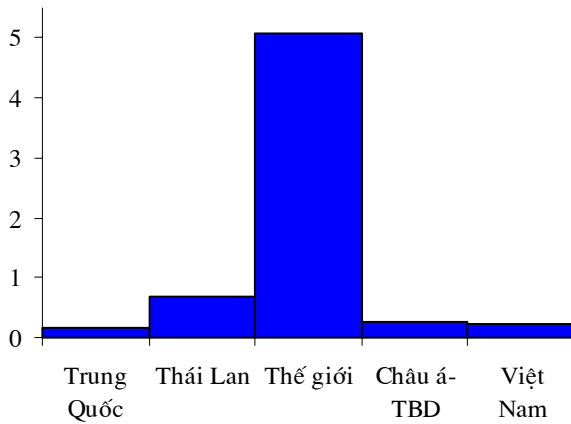
PV. Dwight Perkins, giáo sư Đại học Harvard, vừa viết một bài báo nói rằng Trung Quốc phải thực sự áp dụng kinh tế thị trường thì mới mong thoát khỏi cảnh trì trệ hiện nay. Bà có đồng ý với nhận định này?

- Đó là phương thức tốt nhất cho Trung Quốc về kinh tế.

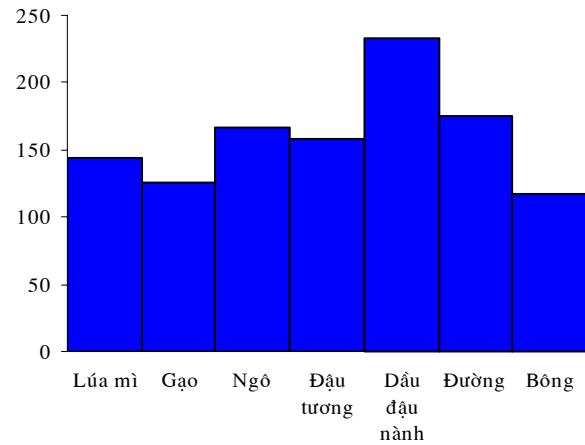
Trong bản thân nông thôn của Trung Quốc cũng đang tồn tại nhiều khó khăn nghiêm trọng, thách thức sự phát triển bền vững của khu vực nông nghiệp nông thôn cũng như của toàn bộ nền kinh tế, đe dọa sự ổn định kinh tế và chính trị của đất nước. Những thách thức chính bao gồm: cơ cấu sản xuất cung lớn hơn cầu, chất lượng và sức cạnh tranh nông sản yếu, lao động dư thừa, đói nghèo ở một số vùng nông thôn, đặc biệt ở miền Tây có xu hướng tăng, bất bình đẳng thu nhập nông thôn và thành thị ngày càng tăng, ngay cả các doanh nghiệp hương trấn được coi là trụ đỡ cho kinh tế nông thôn cũng đang gặp phải khó khăn nặng nề.

Kể từ khi thực hiện cải cách, mặc dù nông nghiệp của Trung Quốc đã có những bước tăng trưởng khá song khả năng cạnh tranh của nông nghiệp còn yếu, thể hiện ở diện tích đất nông nghiệp trên đầu người thấp, năng suất lao động thấp, công nghệ lạc hậu, giá nông sản trong nước cao hơn giá thế giới. Trung Quốc chiếm 22% dân số thế giới nhưng chỉ chiếm có 9% diện tích có thể sử dụng. Về đất nông nghiệp, năm 1999, diện tích đất nông nghiệp bình quân một lao động nông nghiệp của Trung Quốc chỉ có 0,2 ha, bằng 1/4 của Thái Lan, 1/25 mức trung bình thế giới, và 1/300 của Úc. Để bảo hộ những ngành hàng yếu kém Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện những chính sách can thiệp về thuế quan và phi thuế làm cho giá một số mặt hàng trên thị trường nội địa cao hơn giá trên thị trường thế giới. Năm 2000, so với giá trên thị trường thế giới giá của ngô cao hơn 67%, lúa mì 44%, dầu đậu nành 133%.

Biểu 5: Diện tích đất nông nghiệp trên đầu người (ha/người)



Biểu 6: Giá một số mặt hàng nông sản trên thị trường nội địa so với giá thế giới (%)



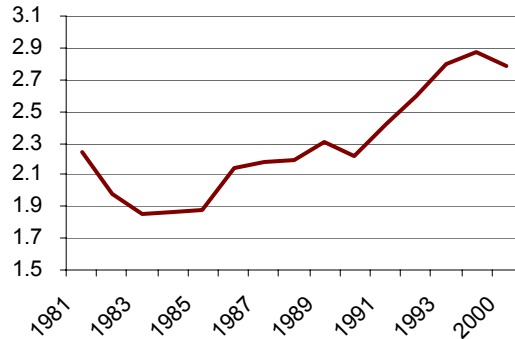
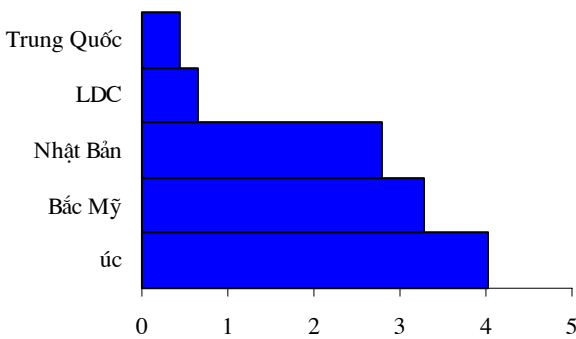
Nguồn. FAO. 2000, Bao ZG. 1999

Trong những năm đầu cải cách, các chính sách cải tổ thể chế nông thôn và tự do hoá một số thị trường nông sản đã thúc đẩy kinh tế nông thôn đi lên, thu nhập nông dân tăng, đói nghèo giảm. Tuy nhiên kể từ giữa thập kỷ 80, những chính sách tập trung đầu tư vào các khu vực đô thị, đặc biệt ở các tỉnh ven biển phía Đông làm cho nguồn lực chảy vào nông nghiệp giảm, đầu tư thấp, cánh kéo giá công nghiệp-nông nghiệp có xu hướng doãng ra, thiên về có lợi cho khu vực đô thị và sản xuất công nghiệp. Hệ số đầu tư vào nông nghiệp của Trung Quốc chỉ có 0,44 trong khi mức trung bình của các nước đang phát triển là 0,65 và mức của các nước phát triển là 3,5. Ông Đinh Lý, trưởng ban chính sách Bộ Nông nghiệp Trung Quốc cho rằng: **"giá nông sản thấp kéo dài, hiệu quả của các doanh nghiệp Hương Trán giảm, thu nhập nông dân trì trệ là những vấn đề bức xúc nhất hiện nay đặt ra đối với chính sách nông nghiệp của Trung Quốc"**.

Thập kỷ 90, trong khi kinh tế đô thị tăng vọt thì kinh tế nông thôn trì trệ, khoét thêm hố sâu ngăn cách nông thôn-thành thị, bất bình đẳng thu nhập giữa nông thôn và thành thị tăng lên, biến Trung Quốc thành một bức tranh tương phản giữa các đô thị ở miền Đông hiện đại, phát triển mạnh, mức sống cao với các vùng nông thôn ở miền Tây nghèo khổ, mức sống thấp, ngày càng tụt hậu. Ở một số vùng nông thôn, đặc biệt là khu vực phía Tây, sản xuất trì trệ, thuế khóa đóng góp nặng nề, nạn tham nhũng hối lộ lan tràn, thu nhập thực tế nhiều vùng giảm xuống, đói nghèo tăng. Minxin ước tính, nạn tham nhũng ở Trung Quốc tiêu tốn hàng năm 4,7% GDP, khoảng 4,3 tỷ USD, trong đó 30% do các DNNN trốn thuế, và 30% do chi tiêu lãng phí của công.

Biểu 7: Hệ số đầu tư nông nghiệp của một số nước

Biểu 8: Tỷ lệ thu nhập thành thị so với nông thôn của Trung Quốc



Ghi chú: LDC là các nước đang phát triển. Hệ số đầu tư được tính theo công thức tỷ lệ đầu tư cho nông nghiệp trong tổng đầu tư chia cho tỷ lệ GDP nông nghiệp trong tổng GDP của nền kinh tế.

Nguồn: Huang J. 2001.

Trung Quốc đưa ra số liệu về thu nhập khu vực nông thôn là 250 USD/người/năm và tỷ lệ dân số sống trong nghèo đói là 6%. Tuy nhiên trên thực tình trạng xấu hơn nhiều. Theo ước tính của Ngân hàng Thế giới (NHTG) có đến 120 triệu dân Trung Quốc thu nhập thấp hơn 1 USD/ngày. Như vậy, theo tiêu chuẩn của NHTG tỷ lệ đói nghèo của Trung Quốc sẽ là 10%. Zhongguo Gaige Bao ước tính, hiện nay Trung Quốc có đến 600 triệu dân nông thôn chỉ sống dựa vào thuần nông với thu nhập chỉ có 80 USD/người/năm.

Từ cuối thập kỷ 80 đến thập kỷ 90, ước tính có hơn 120 triệu nông dân phải bỏ làng đi ra các thành phố tìm việc. Lư Tuyết Nghĩa chuyên gia nghiên cứu ở Học viện Khoa học Xã hội Trung Quốc cho rằng: "**Ngày nay, nông dân vẫn bị đẩy ra ngoài lề và vẫn nghèo đói. Những vấn đề máu chót của Trung Quốc vẫn nằm ở khu vực nông thôn và người nông dân. Khó khăn của người nông dân không còn là câu chuyện về đất đai nữa, mà là nạn thất nghiệp**". Theo thống kê của Trung Quốc, tỷ lệ thất nghiệp ở mức 3,5-4%. Tuy nhiên, nếu tính đến những đợt sa thải công nhân do cải tổ cơ cấu khu vực kinh tế Nhà nước thời gian gần đây và số người làm việc không lương thì tỷ lệ thất nghiệp trên thực tế cao hơn số liệu công bố nhiều. Ước tính tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị khoảng 15%. Những vùng Đông-Bắc, Tây-Bắc và Tây miền Trung do thừa kế một nền công nghiệp nặng từ thời trước nên khi cải tổ cơ cấu diễn ra đã đẩy thất nghiệp lên mức rất cao. Tỷ lệ thất nghiệp có thể lên tới 30%, 40%, thậm chí 50%⁵.

Đến cuối thập kỷ 90, dân số các thành thị, không kể 120 triệu nông dân di cư, chiếm 20% tổng dân số của Trung Quốc, tạo ra 40% của cải, nhưng tiêu dùng đến 60%. Dân số nông thôn (kể cả những người di cư và dân cư các thành phố nhỏ) chiếm 80% tổng dân số, tạo ra 60% của cải, và tiêu dùng 40%. Năm 1994, trong khi 20% tầng lớp dân cư giàu nhất của Trung Quốc sở hữu 50,2% của cải cả nước còn 20% dân cư nghèo nhất chỉ

⁵ Ở những vùng miền Tây thất nghiệp cao đã dẫn đến tình trạng tội phạm tăng mạnh, căng thẳng xã hội lên mức báo động. Tuy nhiên do chính quyền địa phương đã tiến hành đàm phán, xoa dịu những thành phần phản kháng. Nhưng về lâu dài, cách quản lý bằng sự mặc cả như vậy sẽ không thể ngăn nổi những xung đột xã hội có thể xảy ra. Thông tấn xã Việt Nam. 12.11.2001.

sở hữu 4,3%. Để so sánh thì cũng trong năm đó ở Mỹ, 20% dân số giàu nhất sở hữu 44,3% tài sản trong khi 20% nghèo nhất sở hữu 4,6%. Như vậy chỉ trong có hơn 20 năm cải cách phân hoá giàu nghèo của Trung Quốc cao hơn cả Mỹ, một nước đại tư bản hạng nhất thế giới có hơn ba trăm năm để tích tụ tài sản cho tầng lớp giàu.

Tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập của khu vực nông thôn Trung Quốc đang gặp nhiều khó khăn do thời gian gần đây các doanh nghiệp Hương trấn rơi vào tình trạng trì trệ, có dấu hiệu đi xuống. Trong suốt hai thập kỷ qua, sự phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp Hương trấn đã thu hút một lực lượng lao động nông thôn khổng lồ, là động lực chính giúp tăng thu nhập cho khu vực nông thôn, giảm sức ép đáng kể di cư lao động nông thôn ra thành thị, thực hiện thành công chiến lược "ly nông bất ly hương"⁶. Tuy nhiên thời gian gần đây các doanh nghiệp này có nhiều dấu hiệu bất ổn, sản xuất ồ ạt đã làm cung vượt cầu, nợ chồng chất, gây ô nhiễm môi trường. Từ năm 1997, Trung Quốc đã phải ra lệnh đóng cửa 62 ngàn doanh nghiệp công nghiệp nhỏ do không đủ tiêu chuẩn an toàn, gây ô nhiễm..., tuy nhiên do lợi nhuận các doanh nghiệp trên vẫn tồn tại⁷. Do các doanh nghiệp Hương trấn có vai trò quan trọng trong tạo việc làm và thu nhập, tiêu thụ đầu ra nông sản, nên những khó khăn của doanh nghiệp Hương trấn sẽ ảnh hưởng lớn đến nông nghiệp và nông thôn.

Hộp 2: 50000 doanh nghiệp Hương Trấn đang trên bờ vực phá sản

Một quan chức bộ Nông nghiệp Trung Quốc cho biết, hiện nay có đến 50.000 doanh nghiệp Hương Trấn đang trên bờ vực phá sản. Tổng số nợ của các doanh nghiệp này lên đến 25 tỷ USD. Ở tỉnh Hồ Nam, 90% các doanh nghiệp Hương Trấn đang trong tình trạng nợ nần, tổng số là 1 tỷ USD. Tỉnh An Huy số nợ là 750 triệu USD.

Do sản xuất công nghiệp dư thừa, chủ yếu là của các doanh nghiệp Hương Trấn, trong năm 2001 ước tính giá một số mặt hàng công nghiệp tiêu dùng của Trung Quốc như vô tuyến, máy điều hoà, xe máy, tủ lạnh giảm hơn 50%.

Nguồn: China reform monitor. No 393. 26/7/2001, Deqiang H. 2001.

2. Ảnh hưởng hội nhập WTO đến nông nghiệp, nông thôn Trung Quốc

Sau hơn hai thập kỷ cải cách và mở cửa, Trung Quốc đã tiến hành tự do hoá nhiều hoạt động kinh tế, từng bước tự do hoá thương mại, giảm thuế nhập khẩu nông sản. Tỷ lệ thuế quan năm 1991 là 47,2% giảm xuống còn 23% năm 1996. Hiện nay, thuế quan đối với gạo, bông, gỗ và các loại nông sản khác thấp, gỗ 2%, bông 3%. Tỷ lệ thuế quan với nông sản chế biến cao hơn một chút. Tuy nhiên để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia

⁶ Hơn 2 thập kỷ vừa qua, các doanh nghiệp Hương trấn đã đóng vai trò quan trọng trong việc tăng thu nhập và tạo việc làm cho khu vực nông thôn. Tính đến cuối thập kỷ 90, các doanh nghiệp Hương trấn đóng góp 50% giá trị sản lượng toàn nền kinh tế và thu hút 28,4% lao động nông thôn.

⁷ Đỗ Ngọc Toàn. Tạp chí khoa học công nghệ môi trường. 5/1999.

và bảo hộ sản xuất trong nước, Trung Quốc vẫn áp dụng hàng rào phi thuế như quota nhập khẩu, giấy phép nhập khẩu và độc quyền của các doanh nghiệp Nhà nước kinh doanh đối với một số mặt hàng chiến lược như bông, lúa mì, gạo, ngô.

Sau hơn 15 năm đàm phán, ngày 11/12/2001 Trung Quốc đã chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại quốc tế (WTO), mở đường cho quốc gia hơn 1,2 tỷ dân hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Sự kiện gia nhập WTO có tầm quan trọng như công cuộc cải cách và mở cửa năm 1978 do Đặng Tiểu Bình khởi xướng sẽ tác động trực tiếp và sâu rộng đến toàn bộ đời sống kinh tế - chính trị - xã hội của Trung Quốc. Gia nhập WTO sẽ đem lại nhiều lợi ích cho Trung Quốc: vị thế chính trị và kinh tế trên trường quốc tế tăng, thúc đẩy thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài, nền kinh tế phát triển hiệu quả hơn, các nguồn lực xã hội được phân bổ hợp lý, cơ cấu kinh tế thay đổi theo hướng phát huy lợi thế so sánh, những ngành hàng có khả năng cạnh tranh sẽ phát triển, ngành yếu kém bị đào thải.

Hộp 3: Quá trình gia nhập WTO của Trung Quốc


Thời gian	Sự kiện
1986	Trung Quốc nộp đơn gia nhập GATT
1989	Sự kiện Thiên An Môn làm chậm lại tiến trình đàm phán thương mại
1994	Trung Quốc bắt đầu giai đoạn mới xin gia nhập GATT
1997	Trung Quốc cắt giảm thuế quan đối với nhiều mặt hàng nhưng vẫn giữ thuế cao đối với một số mặt hàng khác
4/1999	Trung Quốc thực hiện những nhân nhượng chính. Mỹ bác bỏ nhân nhượng nhưng hai nước ra tuyên bố cam kết sẽ kết thúc đàm phán thương mại vào năm 1999.
11/1999	Những nhà đàm phán Mỹ - Trung Quốc đồng ý ký kết hiệp định song phương cho phép Trung Quốc gia nhập WTO.
9/2000	Quốc hội Mỹ thông qua quyết định thiết lập quan hệ thương mại bình thường với Trung Quốc.
6/2001	Mỹ và Trung Quốc ký kết thỏa thuận về trợ cấp cho nông nghiệp Trung Quốc ở mức 8,5% tổng giá trị đầu ra nông sản.
9/2001	Thỏa thuận đa phương về việc Trung Quốc gia nhập WTO.
11/2001	Trung Quốc chính thức gia nhập WTO.

Ước tính (Huasheng Bao. 1999) gia nhập WTO sẽ tăng GDP của nền kinh tế Trung Quốc thêm 0,5-0,6%/năm. Theo Ngân hàng Thế giới, tỷ trọng xuất khẩu của Trung Quốc trong tổng xuất khẩu thế giới sẽ tăng từ 3,5% năm 1995 lên 6,8% năm 2005, tỷ trọng nhập khẩu sẽ tăng từ 3,4% lên 6,6%. Trung Quốc sẽ thay thế Nhật Bản trở thành đối tác buôn bán quan trọng nhất của châu Á. Chính phủ Trung Quốc hy vọng sẽ tăng kim ngạch ngoại thương từ 450 tỷ USD lên 750 tỷ USD vào năm 2005, tăng vốn đầu tư nước ngoài hàng năm từ 37 tỷ USD lên 50 tỷ USD.

Thực hiện các cam kết của WTO theo hướng tự do hoá và thị trường sẽ làm giảm các méo mó trong chính sách thương mại, tăng cường khả năng cạnh tranh, giúp nền kinh tế của Trung Quốc, trong đó có khu vực nông nghiệp, nông thôn phân bổ các nguồn lực vào các hoạt động hiệu quả, cơ cấu nông nghiệp thay đổi theo hướng phát huy lợi thế so

sánh, tăng cường cạnh tranh, những ngành hàng có lợi thế sẽ phát triển, các ngành hàng yếu kém, lãng phí tài nguyên lâm vào tình trạng khó khăn, và phá sản hàng loạt. Mặt khác, hội nhập WTO sẽ mở cửa các thị trường quốc tế đối với các mặt hàng có lợi thế của Trung Quốc thâm nhập dễ dàng hơn, thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu, tạo việc làm, tăng thu nhập.

Bên cạnh những lợi ích đạt được, Trung Quốc cũng phải từng bước tự do hoá các hoạt động thương mại, giảm hàng rào phi thuế như quota, giấy phép thương mại, bỏ độc quyền của các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động kinh doanh một số mặt hàng, cho phép thành phần kinh tế tư nhân tham gia sâu rộng hơn vào các hoạt động thương mại. Những thay đổi này sẽ có tác động to lớn đến nền kinh tế Trung Quốc, đặc biệt là khu vực nông nghiệp và nông thôn của Trung Quốc, vốn trước đây nhận được nhiều hỗ trợ và bảo hộ của Chính phủ.

Hộp 4: Cam kết chính của nông nghiệp Trung Quốc trong hội nhập WTO	
<ul style="list-style-type: none"> • Hàng rào thuế quan 21,2%. • Hàng rào phi thuế quan (quota, đầu mối nhập khẩu hạn ngạch nhập khẩu...) • Áp dụng các tiêu chuẩn vệ sinh dịch tễ chưa đầy đủ. 	 <ul style="list-style-type: none"> • Giảm hàng rào thuế quan xuống còn 17%. • Giảm và loại bỏ các hàng rào phi thuế quan. • Áp dụng chặt chẽ các tiêu chuẩn vệ sinh dịch tễ.

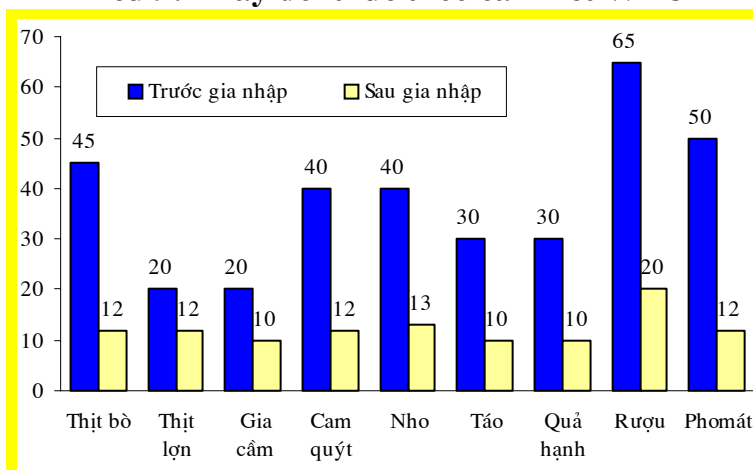
Một câu hỏi đặt ra là hội nhập WTO vào tháng 11/2001 có phải là thời điểm thích hợp đối với nền kinh tế Trung Quốc, đặc biệt là khu vực nông nghiệp, nông thôn? Những bất cân đối trong nền kinh tế và hiện trạng yếu kém của khu vực nông nghiệp và nông thôn sẽ đặt Trung Quốc trước những thách thức gay gắt khi thực hiện các điều khoản của WTO. Những mối lo ngại đã làm cho thủ tướng Chu Dung Cơ phải cảnh báo tại phiên họp Quốc hội Trung Quốc 5/3/2001: **"Gia nhập Tổ chức Thương mại Quốc tế (WTO) sẽ đem đến cho chúng ta hàng loạt vấn đề mới, đặc biệt là tăng trưởng chậm lại, tỷ lệ thất nghiệp cao lên"**.

Việc thực hiện các cam kết của WTO theo hướng giảm và tiến tới loại bỏ hàng rào thuế và phi thuế sẽ ảnh hưởng đến thương mại và cung cầu một số ngành hàng nông sản của Trung Quốc, làm cho nhiều ngành hàng nội địa kém khả năng tranh sẽ thu hẹp, giá nhiều mặt hàng trên thị trường nội địa giảm xuống, cung trong nước thấp hơn cầu, tăng

nhập khẩu mạnh, đặc biệt biệt là các mặt hàng chính trong hệ thống hạn ngạch-thuế như ngô, lúa mì, bông...

Về hàng rào thuế quan, Trung Quốc sẽ giảm thuế nhập khẩu các mặt hàng nông sản từ 30% xuống còn 12%, như thịt bò từ 45% xuống 12%, quả từ 30% xuống 10%. Thuế nhập khẩu giảm sẽ tạo cơ hội cho hàng hoá từ bên ngoài, đặc biệt là các nước xuất khẩu nông sản lớn như Mỹ, Thái Lan, Braxin, thâm nhập thị trường Trung Quốc với giá rẻ hơn, gây sức ép cạnh tranh lên các ngành hàng nội địa.

Biểu 9: Thay đổi thuế theo cam kết WTO

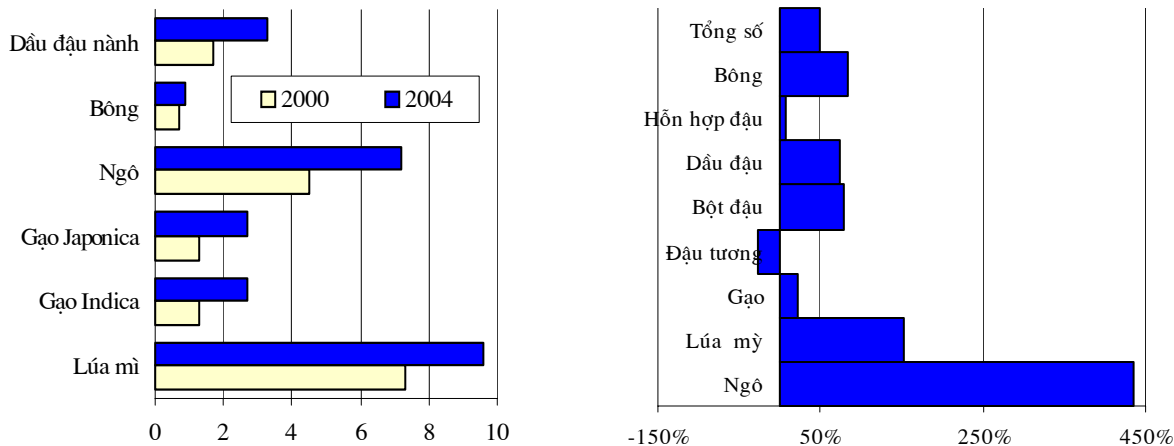


Nguồn: Colby H, Diaio X. 2001.

Ngoài cam kết giảm hàng rào thuế quan, Trung Quốc cũng phải thay đổi hệ thống cấp phép quota nhập khẩu theo hướng tăng cường minh bạch và thúc đẩy cạnh tranh, giảm các hàng rào phi thuế quan, tăng hạn ngạch nhập khẩu đối với ngũ cốc, gạo, ngô, bông và dầu đậu tương. Với các cam kết này, Trung Quốc cho phép các đối tác thương mại xuất khẩu khối lượng hàng hoá nhất định theo mức hạn ngạch với tỷ lệ thuế thấp, lượng hàng hoá vượt quá hạn ngạch sẽ phải chịu mức thuế cao hơn. Một trong những thay đổi quan trọng là Trung Quốc sẽ cho phép các doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp tư nhân tham gia nhập khẩu các hàng nông sản.

Biểu 10: Quota nhập khẩu trước và sau theo cam kết WTO (triệu tấn)

Biểu 11: Dự báo nhập khẩu tăng thêm hàng năm của một số nông sản (%/năm)



Nguồn: Xinshen D. 2001, USDA. 2000.

Tăng quota nhập khẩu sẽ làm tăng nhập khẩu các mặt hàng lương thực trọng yếu vào Trung Quốc. USDA dự báo, sau khi Trung Quốc thực hiện các cam kết của WTO, nhập khẩu ròng các mặt hàng nông sản của Trung Quốc như ngô, lúa mạch, gạo, bông, đậu tương sẽ tăng thêm hàng năm 1,5 tỷ USD. Nhập khẩu ngô và lúa mì sẽ tăng nhiều nhất, so với hiện nay lượng nhập khẩu hàng năm của ngô tăng thêm 4,5 lần và lúa mì là 1,5 lần.

Về mặt hàng gạo, mặc dù hạn ngạch thuế ưu đãi tăng từ 2,66 lên 5,32 triệu tấn/năm. Nhưng do thu nhập tăng tiêu làm thụ gạo đầu người giảm nên trong tương lai gần chưa chắc Trung Quốc sẽ nhập khẩu số lượng lớn. Gần đây, do nhu cầu của người tiêu dùng thu nhập cao ở thành thị tăng mạnh nên Trung Quốc chủ yếu nhập khẩu gạo chất lượng cao của Ấn Độ và Thái Lan, đặc biệt là loại gạo Hương nhài của Thái Lan. Do đó trong tương lai nhập khẩu loại gạo Ấn Độ và Thái Lan của Trung Quốc sẽ tăng với khối lượng lớn.

Hội nhập WTO cũng buộc Trung Quốc loại bỏ các hàng rào trên thị trường nội địa nên sẽ ảnh hưởng rất lớn đến cung cầu và giá cả nhiều mặt hàng. Hiện nay Trung Quốc đang tồn tại xu hướng địa phương hoá, bảo hộ cục bộ những ngành hàng kém sức cạnh tranh. Ví dụ như các tỉnh Hà Nam và An Huy cấm các sản phẩm thuốc là từ Quý Châu, trong khi sản phẩm rượu từ Bắc Kinh phải chịu thuế và lệ phí 18%. Nhiều mặt hàng nông nghiệp cũng được địa phương ra sức bảo hộ. Do đó khi Trung Quốc xoá bỏ các rào cản thương mại trên thị trường nội địa sẽ làm nhiều ngành sản xuất của các địa phương co lại, giá cả giữa các thị trường trong nội địa sẽ liên kết cao hơn, thông suốt, và có xu hướng giảm xuống.

Đối với nông nghiệp và nông thôn Trung Quốc, hội nhập WTO không chỉ dừng lại ở những tác động đến các hoạt động thương mại và sản xuất mà sẽ còn gây ra những ảnh hưởng lớn hơn và sâu sắc hơn đến các vấn đề xã hội như công ăn việc làm, nghèo đói, bất bình đẳng thu nhập. Hiện tại ở khu vực nông thôn của Trung Quốc, tình trạng dư thừa lao động đã trở nên trầm trọng và trong tương lai việc thực hiện các cam kết đối với WTO sẽ

làm xu hướng trên sẽ còn tiếp tục tăng lên. Trong bối cảnh như vậy khả năng để Trung Quốc xây dựng được mạng lưới an sinh xã hội nhằm giảm thiểu rủi ro của hội nhập là rất khó thực hiện. Những lý do chính làm cho triển vọng tạo công ăn việc làm cho lao động dư thừa ở khu vực nông nghiệp và nông thôn của Trung Quốc sẽ ngày càng khó khăn bao gồm:

- Hội nhập WTO giúp tăng trưởng GDP hàng năm của Trung Quốc thêm 0,5-0,6%. Tuy nhiên tăng trưởng kinh tế không tạo thêm được nhiều việc làm. Theo ước tính (Huasheng Bao. 1999), hệ số co giãn của tăng trưởng GDP đối với tạo việc làm là 0,108, và nhiều ước tính còn thấp hơn 0,1. Do đó 1% tăng trưởng thêm sẽ chỉ tạo thêm được 600 ngàn lao động, một con số quá nhỏ bé so với lực lượng lao động dư thừa hiện nay ở khu vực thành thị và nông thôn của Trung Quốc. Ngoài ra, hội nhập WTO sẽ thúc đẩy Trung Quốc áp dụng công nghệ sử dụng nhiều vốn để tăng sức cạnh tranh nên khả năng thu hút thêm lao động sẽ hạn chế.
- Khi mở cửa thị trường nội địa theo cam kết của WTO, nhiều ngành hàng cạnh tranh yếu sẽ chịu sức ép, giảm sản xuất, đặc biệt là đối với các ngành hàng lúa mì, bông, dầu ăn, mía đường, đậu nành, đậu tương, đẩy lao động ra khỏi sản xuất nông nghiệp, làm trầm trọng thêm tình trạng lao động dư thừa vốn là một sức ép đối với nông nghiệp và nông thôn của Trung Quốc. Theo ước tính của Bộ Nông nghiệp Mỹ, sản lượng của các mặt hàng nông sản chính sẽ giảm khoảng từ 14-37%, và 13,2 triệu lao động sẽ mất việc làm, còn theo tính toán của Trung Quốc hội nhập WTO sẽ làm 20,9-25,5 triệu lao động nông nghiệp mất việc làm. Theo chuyên gia kinh tế Jun Ma của Deutsche Bank, hội nhập WTO sẽ làm Trung Quốc hàng năm có 1,5 triệu lao động nông nghiệp không có việc làm trong vòng 5 năm .
- Hội nhập WTO đồng nghĩa với hàng hoá từ bên ngoài tràn vào với giá rẻ hơn, làm tăng sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp công nghiệp thành thị, đặc biệt là các DNNN, các xí nghiệp Hương trấn ở nông thôn. Do đó, các DNNN thành thị diễn ra cải tổ cơ cấu, thải bớt lao động ra, trong khi các doanh nghiệp Hương Trấn sẽ gặp phải cạnh tranh mạnh hơn nên cũng có xu hướng co lại nên triển vọng thu hút việc làm sẽ trở nên khó khăn hơn. Trong bối cảnh như vậy triển vọng thu hút lao động từ nông thôn ra thành thị và thu hút lao động vào các hoạt động phi nông nghiệp tại bản thân khu vực nông thôn sẽ ngày càng trở nên khó khăn hơn.

3. Một số vấn đề đặt ra đối với nông nghiệp, nông thôn Việt Nam

Việc Trung Quốc gia nhập WTO đang buộc hầu hết các nền kinh tế châu Á phải điều chỉnh chiến lược và chính sách kinh tế của mình, đặc biệt là chính sách thương mại. Đối với Việt Nam, sự kiện Trung Quốc gia nhập WTO đặt ra ít nhất hai quan tâm lớn. Thứ nhất, Việt Nam có nhiều điểm tương đồng như Trung Quốc về thể chế kinh tế, đang trong quá trình chuyển đổi, và tiến trình gia nhập WTO, nên việc xem xét các ảnh hưởng của hội nhập WTO đến nền kinh tế Trung Quốc trong đó có khu vực nông nghiệp và nông thôn có

ý nghĩa vô cùng quan trọng. Thứ hai, sự kiện Trung Quốc gia nhập WTO sẽ ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam ra sao?

Những dấu hiệu bất ổn định, yếu kém của nền kinh tế và khu vực nông nghiệp, nông thôn cho thấy thời điểm Trung Quốc hội nhập WTO chưa phải đã thích hợp, chín muồi. Vấn đề không phải ở chỗ hội nhập, mở cửa là thua thiệt, tổn thương mà điều quan trọng là phải hội tụ đủ những điều kiện cần và đủ, củng cố nội lực đủ mạnh nhằm giảm thiểu rủi ro, thiệt hại, chủ động nắm bắt cơ hội để thu được lợi ích tối đa. Kinh nghiệm của Mêhicô là một bài học đắt giá về vấn đề này. Trước khi gia nhập Khu vực Mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA) năm 1992, nhiều dự báo lạc quan cho rằng hàng hoá giá rẻ của Mêhicô sẽ tràn vào các thị trường khổng lồ của Bắc Mỹ. Tuy nhiên, trái với mong đợi, sau khi nhập NAFTA, Mêhicô đã phải chịu những khoản thâm hụt khổng lồ, bị ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính dẫn đến sự sụp đổ của đồng Peso, tỷ lệ thất nghiệp lên đến 49%⁸.

Hiện trạng yếu kém của nông nghiệp nông thôn Trung Quốc sẽ làm cho khu vực này chịu nhiều thiệt thòi, dễ bị tổn thương khi mở cửa thị trường. Tương tự như Trung Quốc, nền kinh tế Việt Nam cũng gặp phải nhiều vấn đề như đối với Trung Quốc: yếu kém của hệ thống DNNN; nguy cơ bất cân đối và chia cắt của nền kinh tế, giữa nông thôn và thành thị, giữa nông nghiệp và công nghiệp. Mặc dù nông nghiệp Việt Nam có lợi thế hơn của Trung Quốc, nhưng khu vực nông nghiệp, nông thôn của Việt Nam cũng đang gặp phải những vấn đề tương tự như Trung Quốc về khả năng cạnh tranh còn nhiều hạn chế, thu nhập nông thôn thấp, sức mua và tích lũy yếu, dư thừa lao động, bất bình đẳng thu nhập nông thôn-thành thị tăng.

Về những tác động của việc Trung Quốc gia nhập WTO đến kinh tế Việt Nam có thể theo những hướng sau đây:

Thứ nhất, Trung Quốc gia nhập WTO là một cơ hội vô cùng thuận lợi để các nền kinh tế hướng xuất khẩu thâm nhập vào thị trường khổng lồ 1,2 tỷ dân với mức sống và nhu cầu ngày càng tăng lên. Những sự kiện như khủng bố nước Mỹ 11/9, cuộc chiến ở Afganistan hay chiến sự leo thang ở Trung Đông thời gian gần đây đã ảnh hưởng mạnh đến các nền kinh tế dựa nhiều vào xuất khẩu, đặc biệt là các nước Đông Á vốn đang đi vào thế hồi phục sau khủng hoảng tài chính năm 1998. Trong bối cảnh các thị trường Mỹ, EU và Nhật Bản trì trệ và khó có khả năng hồi phục trong ngắn hạn và trung hạn, các nền kinh tế hướng xuất khẩu sẽ có xu hướng thay đổi chiến lược, chuyển hướng tập trung vào thị trường Trung Quốc đầy hứa hẹn trong tương lai. Do đó thị trường Trung Quốc sẽ trở thành

⁸ Trước khi Mêhicô gia nhập NAFTA, nNhà tỷ phú Mỹ Ross Perot đã từng tuyên bố "tôi đang nghe thấy âm thanh một cú nổ lớn: nền sản xuất Mêhicô sẽ ăn tươi nuốt sống thị trường Mỹ". Ông cho rằng các sản phẩm của Mỹ sẽ bị mất sức cạnh tranh trước các đối thủ phương Nam. Thế nhưng do Mêhicô định giá đồng nội tệ quá cao, nên khi hội nhập đã tạo điều kiện hàng hoá Mỹ tràn vào xâm chiếm thị trường, làm phá sản hàng loạt ngành sản xuất nội địa. Một trong những ngành hàng chịu thua thiệt nhiều nhất là lúa gạo. Kể từ khi tham gia NAFTA, diện tích trồng lúa của Mêhicô từ 216 ngàn ha năm 1985 đã giảm xuống còn 83 ngàn ha năm 1999, 30 ngàn nông dân phải bỏ nghề và 50% các nhà máy xay xát phải đóng cửa, nhập khẩu gạo tăng từ 165 ngàn tấn/năm lên 672 ngàn tấn/năm, trong đó 90% từ Mỹ. Xem thêm trong Cohen D. 2001 và Tennenbaum. 2000.

tiêu điểm cạnh tranh khốc liệt của các công ty Tây Âu, Mỹ, và Đông Á. Như vậy trong tương lai sức ép cạnh tranh đối với hàng hoá của Việt Nam trên thị trường Trung Quốc sẽ rất lớn.

Thứ hai, hội nhập WTO làm các nước phải mở cửa thị trường, giảm hàng rào thuế quan đối với hàng hoá của Trung Quốc. Hàng hoá của Trung Quốc vốn có lợi thế cạnh tranh nay sẽ càng có ưu thế hơn, thâm nhập dễ hơn vào các thị trường Mỹ, EU, Nhật Bản⁹. gây sức ép cạnh tranh mạnh hơn đối với các mặt hàng cùng loại của Việt Nam⁹. Ngoài ra, hàng hoá của Trung Quốc vào Việt Nam sẽ ngày càng tăng, gây sức ép cạnh tranh trên chính thị trường của Việt Nam. Một số ngành hàng có lợi thế cạnh tranh của Trung Quốc sẽ phát triển như rau quả, chăn nuôi gây sức ép lên chính thị trường của Việt Nam.

Thứ ba, gia nhập WTO sẽ giúp môi trường đầu tư của Trung Quốc có khả năng cạnh tranh cao hơn. Tỷ lệ vốn đầu tư vào Trung Quốc và ASEAN những năm đầu thập niên 90 là 3/7 hiện nay đã đảo ngược hoàn toàn là 7/3. Nên trong tương lai, nguồn đầu tư vào các nước ASEAN trong đó có Việt Nam sẽ trở nên hạn hẹp hơn.

Thứ tư, một thuận lợi đối với Việt Nam là nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao, thu nhập tăng làm nhu cầu tiêu thụ tăng, thị trường mở rộng sẽ là cơ hội đối với hàng hoá của Việt Nam. Tuy nhiên những nước đã là thành viên của WTO sẽ có lợi thế hơn Việt Nam khi vào thị trường Trung Quốc, đặc biệt Mỹ, Úc, Thái Lan.

Hộp 5: Thái Lan sẽ tăng mạnh xuất khẩu nông sản sang Trung Quốc

Trung Quốc gia nhập WTO sẽ tạo cơ hội cho các nhà xuất khẩu Thái tăng thị phần ở thị trường này. Theo các thoả thuận để được gia nhập WTO, Trung Quốc giảm thuế cho 139 sản phẩm nhập khẩu từ Thái Lan, trong đó có nông sản thủy sản và hàng công nghiệp. Đồng thời Trung Quốc sẽ tăng hạn ngạch nhập khẩu gạo và các sản phẩm gạo từ 2,66 triệu tấn và lên 5,32 triệu tấn vào 2004. Hạn ngạch nhập khẩu đường Thái Lan vào Trung Quốc là 1,6 triệu tấn với thuế 30%, và tăng lên mức 1,9 triệu tấn vào 2004 với thuế còn 20%. Hạn ngạch nhập khẩu cao su sẽ là 429 ngàn tấn và sẽ tăng thêm 15% mỗi năm. Hạn ngạch cao su sẽ xoá bỏ vào 2005. Thái Lan là nước xuất khẩu cao su lớn nhất thế giới và xuất khẩu đường lớn thứ 3 thế giới. Cùng với Trung Quốc, việc Đài Loan gia nhập WTO cũng sẽ có lợi cho xuất khẩu gạo, đường, gà và táo của Thái Lan. Đài Loan sẽ mở cửa thị trường nhập khẩu gạo của mình lên 144.720 tấn năm đầu khi gia nhập WTO (không thuế). Đài Loan sẽ nhập 120 ngàn tấn đường với mức thuế 12,5% và sẽ tăng tới 205 ngàn tấn vào năm 2004.

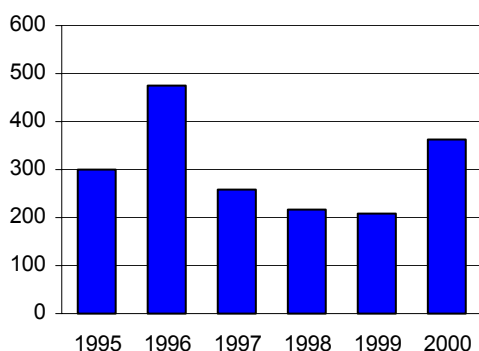
Nguồn: Xinhua, 20/11/2001.

Năm 2000, Việt Nam xuất khẩu nông sản sang Trung Quốc đạt 362 triệu USD, chiếm 8,3% tổng xuất khẩu nông sản. Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc chủ yếu các

⁹ Trung Quốc có nhiều hàng hoá cùng loại với Việt Nam như dệt may, giày dép... Tuy nhiên các mặt hàng nông sản của Việt Nam và Trung Quốc tương đối khác nhau, mang tính bổ xung hơn là thay thế. Nên nông sản xuất khẩu của Việt Nam sẽ không bị ảnh hưởng nhiều như đối với hàng công nghiệp.

mặt hàng như điều chiếm 50% tổng kim ngạch xuất khẩu của điều, cao su 38%, hồ tiêu 8%, hải sản 15%, hoa quả 50%. Giai đoạn 1995-2000, xuất khẩu nông sản sang Trung Quốc chỉ đạt mức tăng trưởng 4%/năm so với mức tăng trưởng xuất khẩu chung sang Trung Quốc là 33%/năm. Nhìn chung do xuất khẩu theo đường tiểu ngạch, kết cấu hạ tầng hỗ trợ xuất khẩu yếu, công tác thông tin thị trường chưa được chú ý đúng mức nên kim ngạch xuất khẩu biến động thất thường, thiếu ổn định, chưa xứng với tiềm năng của cả hai bên.

Biểu 12: Kim ngạch xuất khẩu nông sản sang Trung Quốc (triệu USD).



Bảng 2: Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng nông sản sang Trung Quốc (1000 USD).

Mặt hàng	1995	1998	2000
Hải sản	10633	51544	222972
Cao su	142449	64829	66392
Điều	65579	60502	53292
Hạt tiêu	5856	11222	11565
Lạc	84	14212	3514
Hoa quả	15199	10455	499
Cà phê	6185	2029	3061
Gạo	53944	333	499
Chè	14	733	105
Quế	70	50	21

Nguồn: Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp & PTNT. 2001.

4. Kết luận

Bài học từ kinh nghiệm của Trung Quốc trong phát triển nông nghiệp, nông thôn và tiến trình hội nhập WTO gợi ý Việt Nam nên có những điều chỉnh trong chiến lược phát triển. Nếu Việt Nam vẫn tiếp tục duy trì chiến lược phát triển quá thiên vào bảo hộ công nghiệp sử dụng nhiều vốn, kém hiệu quả, tiếp tục tài trợ các DNNN yếu kém, thua lỗ, tập trung nguồn lực quá mức vào phát triển đô thị, trong khi không chú trọng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn sẽ làm cho kinh tế nông thôn trì trệ, cánh kéo giá tiếp tục bất lợi đối với nông nghiệp, thất nghiệp tăng, gây ra những căng thẳng và bất ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội và môi trường ở khu vực nông thôn. Ngoài ra, bất bình đẳng thu nhập giữa nông thôn và thành thị tăng lên cũng tạo ra sức ép mạnh lên luồng dân di cư từ nông thôn ra thành thị, gây ra các hậu quả như sự quá tải, tình trạng ô nhiễm, tắc nghẽn giao thông, tội phạm và các tệ nạn xã hội... ở chính khu vực đô thị.

Với hơn 70% dân số sống trong nông thôn nên thị trường nông thôn có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với nền kinh tế của Việt Nam. Tuy nhiên nếu thu nhập trì trệ, sức mua yếu thì thị trường nông thôn không thể kích thích nền kinh tế đi lên được. Kinh nghiệm của các nền kinh tế hướng xuất khẩu trong khu vực là một bài học hữu ích. Trong thời gian qua một vài nước Đông Á đã quá chú trọng xuất khẩu, đặc biệt là công nghiệp điện tử mà lơ là khuyến khích tiêu dùng trong nước. Năm 2001, môi trường kinh tế bên ngoài biến động, đi xuống, xuất khẩu giảm mạnh, trong khi sức tiêu thụ trong nước không đủ sức kéo

nền kinh tế đi lên đã làm cho nền kinh tế chịu nhiều rủi ro, tổn thương, cản trở tiến trình hồi phục kinh tế sau khủng hoảng tài chính-tiền tệ năm 1998¹⁰.

Những điều chỉnh chính sách vĩ mô của Việt Nam theo hướng giảm thiên lệch **quá mức** đối với đô thị và công nghiệp, chú trọng hơn đến khu vực nông nghiệp, nông thôn sẽ có tác dụng cải thiện cánh kéo giá cho khu vực nông nghiệp, phân bổ lại các nguồn lực hợp lý hơn, giảm các méo mó của thị trường, biến khu vực nông thôn thành địa bàn đầu tư hấp dẫn, tạo điều kiện phát triển các hoạt động phi nông nghiệp, trong đó có công nghiệp nông thôn, giúp tạo việc làm, tăng thu nhập cho khu vực nông thôn. Cụ thể là chỉ nên đầu tư vào các ngành công nghiệp có lợi thế so sánh, sử dụng nhiều lao động, giảm bảo hộ các ngành kém sức cạnh tranh, thua lỗ. Tăng cường đầu tư cho nông thôn, đặc biệt là kết cấu hạ tầng, giáo dục, y tế.

Trong khu vực nông nghiệp, nông thôn, những dấu hiệu gần đây cho thấy nền nông nghiệp Việt Nam đã tiến đến giới hạn phát triển theo chiều rộng. Những lý do bao gồm: động lực phát triển do đổi mới chính sách những năm cuối thập kỷ 80, đầu 90 đã dần giảm hiệu lực; hiệu quả đầu tư vào thủy lợi không còn lớn như trước đây; đất nông nghiệp trên đầu người tiếp tục giảm xuống; những cơ hội mở rộng thị trường quốc tế để tiếp tục tăng sản lượng gạo, cà phê không còn lớn như trước đây. Do đó những ưu tiên chính sách phát triển nông nghiệp trong giai đoạn phát triển mới nên tập trung vào xây dựng các thể chế để thị trường vận hành hiệu quả, thúc đẩy cạnh tranh, khuyến khích đầu tư tư nhân. Cụ thể bao gồm:

- Các chính sách như tín dụng, đất đai, đầu tư nên hướng tới tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt đối xử các thành phần kinh tế.
- Cải tổ lại và đẩy mạnh đầu tư công tác nghiên cứu và khuyến nông theo hướng hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Đầu tư kết cấu hạ tầng nông thôn nhằm hỗ trợ thị trường vận hành hiệu quả như phát triển hệ thống chợ nông sản, thông tin liên lạc, đường xá...
- Phát triển các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp, trong đó chú trọng công nghiệp nông thôn, đặc biệt là phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ chế biến nông sản nhằm tận dụng lợi thế sản xuất nông nghiệp, tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập.
- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, dự báo thị trường, xúc tiến thương mại nhằm định hướng sản xuất đúng theo tín hiệu thị trường.

Về việc Trung Quốc hội nhập WTO, xuất khẩu nông sản Việt Nam sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là sức ép cạnh tranh của các đối thủ trên thị trường Trung Quốc. Để nâng cao sức cạnh tranh, tăng cường xuất khẩu nông sản sang thị trường Trung Quốc:

- Đầu tư phát triển công tác nghiên cứu và dự báo thị trường, các hoạt động xúc tiến thương mại¹¹.

¹⁰ Năm 2000 và 2001, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Thái Lan giảm từ 4,4% xuống còn 1,2%, Indônêxia 4,8% còn 3,6%, Philipin 4,4% còn 2,1%, Malaixia 8,3% còn 1%, Hàn Quốc 8,8% còn 2,5%.

¹¹ Mặc dù Trung Quốc là bạn hàng lớn của Việt Nam, song các cơ quan Nhà nước và doanh nghiệp chưa chú trọng công tác nghiên cứu thị trường, các hoạt động xúc tiến thương mại. Theo lời của Phó thủ tướng Nguyễn Công Tạn:

- Cần có các chính sách ưu đãi đối với các cửa khẩu theo hướng trao quyền chủ động cho địa phương, tăng cường thông thoáng, giảm thủ tục, lệ phí phiên hà¹².
- Nhiều hoạt động xuất khẩu trong tình trạng manh mún và tự phát dẫn đến bị ép giá. Nên tổ chức lại các hoạt động này theo hướng thành lập các hiệp hội, phường hội xuất khẩu tự nguyện.
- Tăng cường đầu tư công nghiệp chế biến nhằm giảm xuất khẩu nguyên liệu thô, tăng xuất khẩu tinh.
- Đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông từ trung tâm nối với cửa khẩu, hệ thống chợ nông sản, cửa hàng giới thiệu sản phẩm, kho bãi, hầm lạnh ở các cửa khẩu.

Tài liệu tham khảo

- Đặng Kim Sơn. 2001. Công nghiệp hoá từ nông nghiệp: Lý luận thực tiễn và triển vọng áp dụng ở Việt Nam. Nhà Xuất bản Nông nghiệp. Hà Nội.
- Bao ZG. 1999. Effect of china's WTO entry on agriculture.
- Binyan L, Link P. A Great Leap Backward?. In: The New York Review of Books, 8/10 /1998,
- Chen J. 2000. Harvard China review 4th Annual conference summery.
- China reform monitor. No393. 26/7/2001.
- Cohen D. 2001. Các quốc gia nghèo khó trong một thế giới thịnh vượng. Diễn đàn kinh tế-Tài chính Việt-Pháp. Nhà xuất bản chính trị quốc gia.
- Colby H. 2001. China's WTO accession: conflicts with domestic agricultural policies and institutions. IFPRI.
- Deqiang H. 2001. The advantages and disadvantages of China's accession to the WTO.
- FAO. 2000. Selected Indicators of food and agriculture development in Asia-Pacific region, 1989-99. Regional office for Asia and the Pacific, Bangkok.
- Far Eastern Economic Review July. 12.2001. Breaking barriers.
- Far Eastern Economic Review. December. 20. 2001. A finger in the dyke.
- Far Eastern Economic Review. July. 12. 2001.

Chúng ta có một nhược điểm ở gần Trung Quốc nhưng lại ít chịu nghiên cứu sâu về Trung Quốc □ Chúng ta không còn có nhiều người hiểu sâu sắc về nền kinh tế và các doanh nghiệp Trung Quốc, không kết được bạn hàng Trung Quốc. Theo Laurence Lipsher trong khi Trung Quốc có 200 công ty mở văn phòng đại diện ở Việt Nam, thì Việt Nam chỉ có 3 văn phòng đại diện ở Trung Quốc.

¹² Lãnh đạo các tỉnh biên giới phía Bắc cho rằng Trung Quốc có chiến lược dùng thương mại biên mậu để phát triển các tỉnh biên giới. Trung Quốc phân biệt rạch ròi giữa thương mại chính thức và biên mậu, trong đó thương mại biên mậu được hưởng rất nhiều ưu đãi về thuế, thủ tục, lệ phí. Các lãnh đạo cho rằng nếu Việt Nam thực hiện các chính sách cởi mở hơn sẽ thúc đẩy thương mại Việt-Trung mạnh mẽ hơn nhiều (Thời báo Kinh tế Sài Gòn. 22/11/2001)

- Goletti F. 2001. Shifting Strategy for Agricultural Shifting Strategy for Agricultural Shifting Strategy for Agricultural Development in Viet Nam. Agrifood Consulting International.
- Hongyuan S, Changsheng Z. 1999. Agricultural market and policy in China: New development facing the WTO entry.
- Huang J. 2001. Funding options and restructuring for China's Agricultural Research system. Hội thảo: Hệ thống chính sách và tổ chức để tăng cường hiệu quả nghiên cứu nông nghiệp-kinh nghiệm của Trung Quốc. Bộ Nông nghiệp&PTNT. Hà Nội.
- Minxin P. 1999. Will China become another Indonesia. Foreign Policy. Massachusetts. Washington.
- Ngô Vĩnh Long. 1999. Cải cách thể chế sau khủng hoảng.
- Tennenbaum J. 2000. China needs protectionism and the ideas of friedrich list. Executive Intelligence Review. May 12.
- The Economist. September. 15 th. 2001.
- Thời báo Kinh tế Sài Gòn. 22/11/2001.
- Tiejun W. 2000. China and the WTO: WTO and China's agriculture.
- USDA. 2000. China's WTO accession would boost U.S. Ag exports & farm income. Market and trade economics division. Washington.
- USDA. 2001. China's agriculture in transition. Market and trade economics division. Washington.